TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 121/2019/QĐST - HNGĐ	*Bắc Quang, ngày 07 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 168/2019/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981; Dân tộc: Kinh.

Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn: Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1978; Dân tộc: Tày.

Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện B, tỉnh Hà Giang; Đơn vị công tác: Trường mầm non xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn N và Chị Đinh Thị Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và Chị Đinh Thị Th tự nguyện thuận tình ly hôn.

Việc nuôi con: Vợ chồng có hai con chung, tên cháu là Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 23/7/2014 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 09/11/2017. Khi ly hôn

Anh Nguyễn Văn N và Chị Đinh Thị Th tự nguyện thoả thuận giao cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu Ph và Q đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh N và chị Th có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: 0000821 ngày 09/7/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang; Anh Nguyễn Văn N được trả lại số tiền là 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*; Chị Đinh Thị Th không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKS ND tỉnh Hà Giang;
- VKS ND huyện Bắc Quang;
- UBND xã T, huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Hải Hà